

UNIT 5:

VIETNAMESE FOOD AND DRINK

PERIOD : 35 - SKILLS 2

- traditional dish	(n) : món ăn truyền thống
- soak	(v) : ngâm , nhúng
- grind	(v) : xay, nghiền
- seasoning	(n) : gia vị
- brittle	(adj) : giòn
- fish sause	(n) : nước mắm
- soya sause	(n) : xì dầu, nước tương
- chilli	(n) : ớt
- chilli sause	(n) : tương ớt
- chilli powder	(n) : ớt bột